

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2019/HNGĐ - ST.

Ngày: 25 - 11 - 2019.

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ba.

2. Ông Nguyễn Văn Ngẫu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Thư ký
Tòa án nhân dân Huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 599/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1980.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Đình Hiếu D, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Số nhà 60/21, tổ 15, khu 3, ấp 7, xã A, Huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Đình Hiếu D kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, Huyện L, tỉnh Đồng Nai, do hai bên đều tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì anh D làm đơn ly hôn nhưng chị không đồng ý ký đơn do con còn nhỏ và chị không có lỗi gì. Sau đó, anh D rút đơn về. Từ đó đến nay anh D bỏ nhà đi nơi khác sống, thỉnh thoảng có về thăm con. Chị vẫn sống chung với cha mẹ chồng và hai con, anh D không hề hỏi thăm hay quan tâm gì đến chị. Nay chị nhận thấy tình cảm giữa anh chị không còn sau khi sống ly thân một thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh D để yên tâm làm việc và nuôi dạy con.

Về con chung: Có 02 con chung là Ngô Thái D1, sinh ngày 10/7/2009 và Ngô Minh H, sinh ngày 16/02/2012. Hiện tại hai cháu đang sống với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, chị trình bày và yêu cầu: Năm 2016, chị mua thửa đất số 275 tờ bản đồ số 27, diện tích 135,7m² của bà Nguyễn Ngọc A tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, với số tiền là 50.000.000 đồng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 744864 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 06/01/2016 cho vợ chồng chị. Về nguồn gốc đất: Năm 2015 cha mẹ ruột chị cho tiền mua, vợ chồng chị không đóng góp tiền để mua thửa đất này, cha mẹ chồng chị có làm giấy xác nhận làm chứng. Anh D cũng từng xác nhận nguyện vọng không phân chia và tranh chấp sở hữu với thửa đất này. Lý do hai vợ chồng đứng tên là do khi làm sổ thì Nhà nước yêu cầu phải đứng tên hai vợ chồng. Chị yêu cầu Tòa án tuyên bố thửa đất này thuộc quyền quản lý, sử dụng của riêng chị để sau này chị làm nhà cho con ở. Ngày 17/9/2019, chị có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung. Ngày 15/10/2019, chị khai bổ sung: Tài sản chung của hai vợ chồng từ khi kết hôn cho đến nay là không có.

Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn anh Ngô Đình Hiếu D:* Anh D đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Long Thành:*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, việc xét xử của Hội đồng xét xử, việc tuân theo pháp luật của Thư ký. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh D là hợp pháp. Theo chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập thì mâu thuẫn giữa anh chị ở mức trầm trọng, đã sống ly thân, nay không còn tình cảm. Chị M xin ly hôn với anh D là có căn cứ. Áp dụng Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, xử cho chị M được ly hôn anh D.

Về con chung: Giao 02 con chung là Ngô Thái D1 và Ngô Minh H cho chị M nuôi dưỡng, anh D không cấp dưỡng nuôi con. Vì hiện tại hai cháu đang sống với chị M và theo nguyện vọng được ở với chị M; Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh D đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị M, anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 94, ngày 12/7/2007, trên cơ sở tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh thì trước đó anh D có quan hệ với người phụ nữ khác và anh D có nộp đơn ly hôn, cha mẹ ruột của anh D có đến đề nghị địa phương hòa giải nhưng hòa giải không thành. Anh chị đã sống ly thân, thỉnh thoảng anh D mới về nhà. Xét việc anh D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện anh không còn quan tâm đến hôn nhân với chị M nữa. Như vậy, giữa chị M và anh D không còn tình nghĩa vợ chồng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét việc chị M yêu cầu được ly hôn với anh D là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa chị M và anh D.

[3] Về con chung: Theo lời khai của chị M và kết quả xác minh tại địa phương, anh chị có 02 con chung là Ngô Thái D1, sinh ngày 10/7/2009 và Ngô Minh H, sinh ngày 16/02/2012. Hiện tại hai cháu đang sống với chị M. Hai cháu có nguyện vọng được ở với chị M khi cha mẹ ly hôn. Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị M là có căn cứ chấp nhận. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và đảm bảo lợi ích mọi mặt của hai cháu, cần giao hai cháu cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị M đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung nên đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị M về tài sản chung. Còn anh D thì không có lời khai cũng như không gửi yêu cầu gì cho Tòa án nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị M khai không có, anh D thì không gửi yêu cầu gì cho Tòa án, theo kết quả xác minh tại địa phương thì trong thời kỳ hôn nhân của anh chị, không có ai tranh chấp với anh chị về nghĩa vụ tài sản nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Đối với ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, **Điều 238, Điều 244**, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị M về tranh chấp ly hôn, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị M về tranh chấp tài sản chung đối với anh D, cụ thể:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh M về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với anh Ngô Đình Hiếu D, cho ly hôn giữa chị M và anh D.

Về con chung: Chị M và anh D có 02 con chung là Ngô Thái D1, sinh ngày 10/7/2009 và Ngô Minh H, sinh ngày 16/02/2012. Giao cháu D1 và cháu H cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh D được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị M về tranh chấp tài sản chung đối với diện tích đất 135,7m² thuộc thửa đất số 275 tờ bản đồ số 27 tại xã Long Đức, Hện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 744864 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 06/01/2016 cho anh D và chị M. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào 1.550.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005396 ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Trả lại cho chị M số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng án phí về phần tài sản chung.

Chị M, anh D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. L;
- UBND xã A.
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Hoa